TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2024
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thanh Liêm và bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Nhựt Huy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 314/2024/TLST-HN ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Vĩnh K, sinh năm 2003; địa chỉ: số E, tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Trương Thúy M, sinh năm 1991; địa chỉ: số B, tổ B, đường N, khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Vĩnh K trình bày, giữa anh K với chị M qua quá trình tự tìm hiểu và yêu thương nhau nên anh K và chị M tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến ngày 27 tháng 11 năm 2023 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, anh K và chị M chung sống tại nhà chị M. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị M không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên ghen tuông

vô cơ làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh K đã cho chị M nhiều lần cơ hội nhưng chị M không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên cũng có tạo điều kiện để chị M và anh K hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh K cũng cho chị M cơ hội nhưng chị M vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh K yêu cầu được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thúy M vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh K là: đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sợ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Anh Trần Vĩnh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chị Trương Thúy M vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến;

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Anh Trần Vĩnh K đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn chị Trương Thúy M vắng mặt tại phiên tòa, nên đề nghị Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Vĩnh K đối với chị Trương Thúy M; về con chung: Không có, nên không đề cập xem xét quyết định. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Vĩnh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thúy M, cả chị K và chị M đều cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án

theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Vĩnh K trong quá trình giải quyết vụ án xác định hôn nhân là do tự nguyện, khi kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn trong hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh K khẳng định do chị M không cùng chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên ghen tuông vô cớ, nên từ tháng 03/2024 đến nay cả hai đã tự sống ly thân, anh K không còn tình cảm với chị M. Xét thấy, hôn nhân phải trên sự vun đắp từ cả hai, cùng xây dựng hạnh phúc thì mới xây dựng gia đình bền chặt, gắn kết được, đến nay anh K không còn tình cảm với chị M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị M đúng quy định, nhưng chị không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh K đối vơi chị; điều đó cho thấy, tình cảm giữa anh K và chị M là có mâu thuẫn, nên tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh K yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: anh K không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Vĩnh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị Trương Thúy M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Vĩnh K đối với chị Trương Thúy M;

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vĩnh K được ly hôn với chị Trương

Thúy M, giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 27/11/2023 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho anh K, chị M không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Không có, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: anh Trần Vĩnh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015416 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 4 năm 2024; Anh Trần Vĩnh K đã nộp đủ án phí. Chị Trương Thúy M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ; VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA